

QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 1999 – 2009

PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG*, NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO**

TÓM TẮT

Giai đoạn 1999 – 2009, diện tích và dân số đô thị thành phố Cần Thơ có nhiều thay đổi quan trọng. Lãnh thổ đô thị và số dân thành thị tăng lên nhanh chóng dọc theo sông Hậu và sông Cần Thơ, tốc độ trung bình năm lần lượt là 19% và 9% trong khi mật độ dân số đô thị giảm hơn 50%. Khu vực có mức tăng rất nhanh là Thốt Nốt, Ô Môn và Cái Răng. Nhiều đô thị nhỏ đã được hình thành ở khu vực nông thôn rộng lớn phía Tây thành phố. Tuy nhiên, Ninh Kiều vẫn là địa bàn có mức độ tập trung đô thị cao vượt trội.

Từ khóa: diện tích đô thị, dân số đô thị, mật độ dân số đô thị, tập trung đô thị.

ABSTRACT

The change of urban area and population of Can Tho city during the period 1999 - 2009

During the period 1999 – 2009, the urban area and population in Can Tho city underwent many important changes. Urban area and population developed rapidly along Hau river and Can Tho river with an average speed of 19% and 9% respectively each year whereas the density of urban population decreased by more than 50% during the same period. Thot Not, O Mon and Cai Rang district were areas that had the highest increasing rates. Many small towns have been formed in the large rural area west of the city. However, Ninh Kieu district still remain as the area with highest urban concentration.

Keywords: urban area, urban population, urban population density, urban concentration.

1. Đặt vấn đề

Cần Thơ là đô thị lớn nhất miền Tây, giữ vị trí trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian qua, quá trình đô thị hóa (ĐTH) ở Cần Thơ diễn ra mạnh mẽ dẫn đến những thay đổi quan trọng về diện tích và dân số đô thị. Nghiên cứu những biến động lãnh thổ và dân số đô thị góp phần giúp chúng ta hiểu được sự thay đổi quy mô đô thị cũng như nhịp độ, xu hướng... đô thị hóa ở thành phố (TP) Cần Thơ những năm gần đây.

2. Nội dung

2.1. Biến động diện tích đô thị Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009

Trong những năm gần đây, phạm vi lãnh thổ đô thị của TP Cần Thơ được mở rộng nhanh chóng. Năm 1999, phần lớn khu vực đô thị tập trung ở TP Cần Thơ (trực thuộc tỉnh Cần Thơ) và 4 thị trấn Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng, Cờ Đỏ với 19 đơn vị hành chính cơ sở; đến nay, lãnh thổ đô thị trải dài dọc theo sông Hậu liên tục từ Cái Răng đến Thốt Nốt cùng 5 thị trấn phía Tây của TP. Giai đoạn 1999 – 2009, diện tích đô thị thành phố Cần Thơ theo quận, huyện có sự thay đổi như ở bảng 1 sau đây:

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** ThS, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Bảng 1. Diện tích đô thị theo quận, huyện giai đoạn 1999 – 2009

(km²)

Quận/Huyện	1999	2004	2009
Quận Ninh Kiều	16,00	29,22	29,22
Quận Ô Môn	15,10	125,57	127,00
Quận Bình Thủy	28,90	68,78	70,68
Quận Cái Răng	12,86	62,53	68,95
Quận Thốt Nốt	4,30	5,59	117,78
Huyện Vĩnh Thạnh	—	17,78	25,34
Huyện Cờ Đỏ	4,38	17,11	7,64
Huyện Phong Điền	—	—	8,14
Huyện Thới Lai	—	—	9,81
Tổng	81,54	326,58	464,56

Nguồn: xử lí từ [4], [7], [8]

Bảng 1 cho thấy, giai đoạn 1999 – 2009, diện tích đô thị tăng hơn 5,7 lần, mở rộng hơn 383km² với tốc độ trung bình 19%/năm. Tỷ trọng diện tích đô thị so với lãnh thổ toàn thành phố tăng từ 5,8% lên hơn 33%. Năm 2004, TP Cần Thơ trực thuộc trung ương được thành lập trên cơ sở tách từ tỉnh Cần Thơ nên lãnh thổ đô thị giai đoạn 1999 – 2004 tăng lên rất nhanh, từ 81,5km² lên hơn 326,58km², tốc độ mở rộng trung bình 32%/năm; sau năm 2004, quá trình ĐTH tiếp tục diễn ra nhanh chóng, thúc đẩy nhiều khu vực chuyển thành đô thị với tốc độ tăng trung bình 27,7km²/năm, đến năm 2009, diện tích đô thị TP Cần Thơ mở rộng hơn 464km².

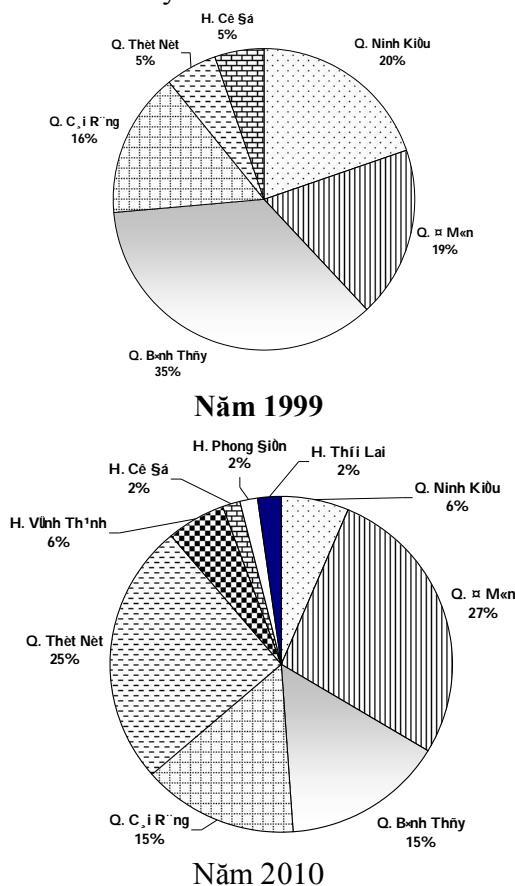
Quá trình mở rộng đô thị diễn ra theo một số trục nhất định, từ ngã ba sông Hậu và sông Cần Thơ, đô thị dần phát triển ra xung quanh nên đây cũng là khu vực tập trung đô thị cao nhất TP. Dọc theo sông Cần Thơ, về phía Nam, trước đây đô thị phát triển mạnh ở khu

vực thị trấn Cái Răng, giai đoạn 1999 – 2009, đặc biệt dưới tác động của cầu Cần Thơ, ĐTH diễn ra nhanh chóng toàn quận Cái Răng, tốc độ mở rộng lãnh thổ đô thị trung bình 18%/năm.

Bên cạnh đó, theo trục sông Hậu, giai đoạn 1999 - 2009, Thốt Nốt và Ô Môn là hai khu vực mở rộng lãnh thổ đô thị nhiều và nhanh nhất. Diện tích đô thị quận Thốt Nốt tăng trung bình hơn 11km²/năm, năm 2009 đạt 117,8km², tốc độ tăng trung bình 39%/năm; trong cùng thời gian, diện tích đô thị quận Ô Môn tăng thêm 111,9km², tốc độ trung bình 24%/năm.

Biến động lãnh thổ đô thị gắn liền với quá trình điều chỉnh địa giới hành chính và quyết định thành lập các quận nội thành. Đại bộ phận lãnh thổ đô thị của Ô Môn được mở rộng vào năm 2004 (cùng với việc thành lập quận Ô Môn), nhưng những năm sau, từ 2004 đến 2009 thì thay đổi không đáng kể. Ngược lại, diện tích đô thị Thốt Nốt tăng trung bình

84%/năm trong giai đoạn 2004 -2009, trong khi suốt 5 năm đầu (1999 – 2004) diện tích thị trấn Thốt Nốt gần như không biến động. Trong hơn 383km² diện tích đô thị được mở rộng từ năm 1999 đến 2009, tỉ trọng 2 quận Ô Môn và Thốt Nốt gần 60%. Diện tích đô thị phân bố rất khác nhau giữa các đơn vị hành chính và thay đổi theo thời gian được thể hiện qua hình 1 sau đây:



Nguồn: [7], [8]

Hình 1. Cơ cấu diện tích đô thị theo quận, huyện năm 1999 và 2010

Hình 1 cho thấy quá trình ĐTH địa bàn được nghiên cứu diễn ra lâu dài ở khu vực quận Ninh Kiều với mức độ cao trên 1 diện tích tương đối nhỏ. Năm

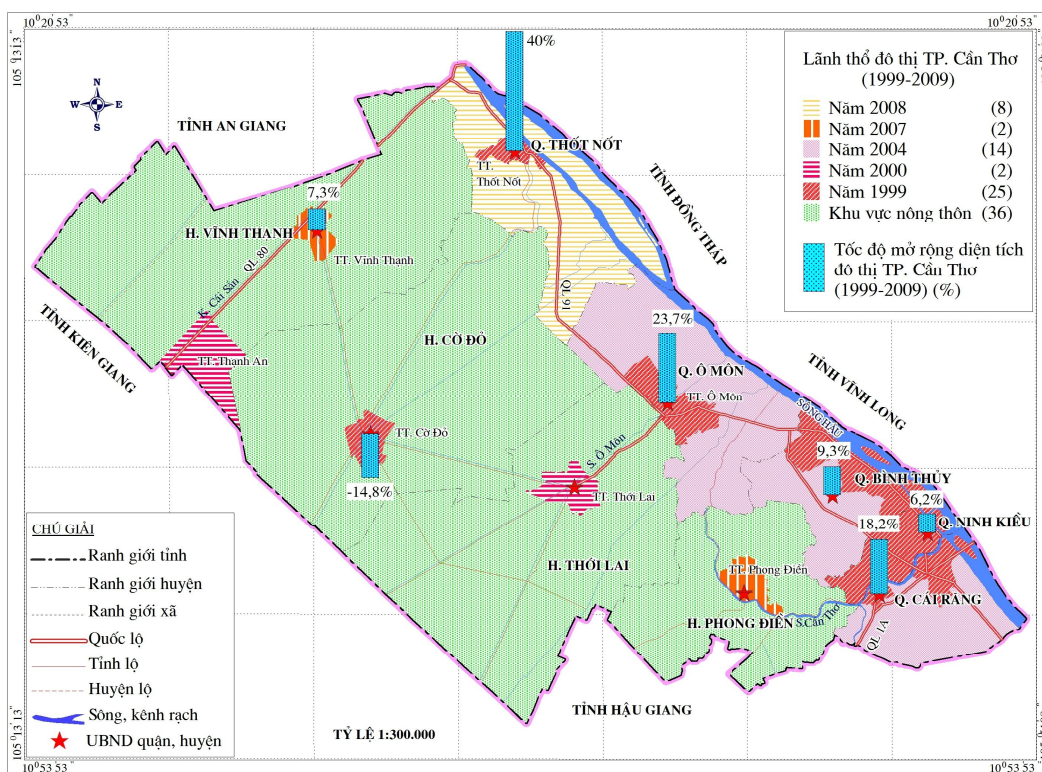
1999, khu vực này chỉ chiếm khoảng 1/5 diện tích đô thị, đứng thứ 2 sau quận Bình Thủy (hơn 1/3 lãnh thổ đô thị của TP). Các khu vực đô thị có tỉ trọng diện tích lớn tiếp theo là Ô Môn (18,5%) và Cái Răng (15,8%). Riêng bốn quận Ninh Kiều, Ô Môn, Bình Thủy và Cái Răng chiếm gần 90% diện tích lãnh thổ đô thị, phần còn lại là khu vực nông thôn rộng lớn.

Ngoài ra, quá trình thay đổi cơ cấu diện tích đô thị giữa các đơn vị hành chính phần nào thể hiện xu hướng ĐTH. Năm 2004, lãnh thổ đô thị mở rộng nhanh chóng ở khu vực Phước Thới, Thới An, Thới Long... về phía Bắc. Diện tích đô thị thuộc quận Ô Môn từ 15,1km² lên 125,6km², chiếm 38,5% tổng diện tích đô thị, dẫn đầu trong toàn TP. Bên cạnh đó, quá trình ĐTH cũng diễn ra nhanh dọc theo sông Hậu về phía Nam ở Hưng Thạnh, Thường Thạnh, Hưng Phú... nên tỉ trọng diện tích đô thị quận Cái Răng tăng từ 15,8% (1999) lên 19,1% (2004).

Năm 2009, lãnh thổ đô thị tiếp tục mở rộng về phía Bắc dọc theo sông Hậu, ĐTH diễn ra nhanh nhất trên địa bàn quận Thốt Nốt; tỉ trọng diện tích đô thị của khu vực này tăng từ 5,4% (năm 2004) đến 25,4% (năm 2009), tăng gấp 5 lần; đây cũng là khu vực đô thị rộng thứ 2 sau quận Ô Môn (27,3%). Trong khi đó vị trí của khu vực trung tâm TP Cần Thơ trong tổng diện tích đô thị giảm nhanh chóng. Tỉ trọng diện tích quận Ninh Kiều giảm hơn 3 lần, chỉ còn tương đương với huyện Vĩnh Thạnh; đồng thời quận Bình Thủy cũng không còn là khu vực đô thị

rộng nhất. Bên cạnh đó, diện tích đô thị khu vực nông thôn tăng lên nhanh chóng. Trong 10 năm, nhiều thị trấn hình thành và phát triển. Tỷ trọng diện tích đô thị trong tổng diện tích đô thị Cần Thơ tăng lên đáng kể, chiếm khoảng 12%. Huyện Vĩnh Thạnh là khu vực có mức độ mở rộng lãnh thổ đô thị nhanh và nhiều nhất.

Mạng lưới đô thị TP Cần Thơ có xu hướng ngày càng dày và đều hơn. Quá trình mở rộng lãnh thổ đô thị và tốc độ tăng diện tích đô thị TP Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009 theo quận, huyện được thể hiện ở hình 2 dưới đây:



Hình 2. Quá trình mở rộng lãnh thổ đô thị và tốc độ tăng diện tích đô thị TP Cần Thơ theo quận, huyện giai đoạn 1999 – 2009

Hình 2 cho thấy, trước năm 1998, ngoài khu vực đô thị trung tâm (bao gồm TP Cần Thơ và thị trấn Cái Răng), phần lãnh thổ rộng lớn còn lại chỉ có hai đô thị loại V (thị trấn Thốt Nốt và thị trấn Ô Môn). Năm 1999 bổ sung thêm thị trấn Cờ Đỏ. Cùng thời gian này, trên địa bàn TP Cần Thơ, trung bình khoảng 280km² mới có một đô thị hoặc gần

74km² mới có một đơn vị hành chính cấp cơ sở là đô thị; nếu không tính khu vực nội thành TP Cần Thơ thì trung bình gần 340km² mới xuất hiện một thị trấn. Mười năm sau - năm 2009, nhiều khu vực đô thị hóa nhanh chóng, các quận nội thành, thị trấn được hình thành, mạng lưới đô thị tương đối đều hơn. Năm 2009, ngoài năm quận nội thành Cái Răng, Ninh Kiều,

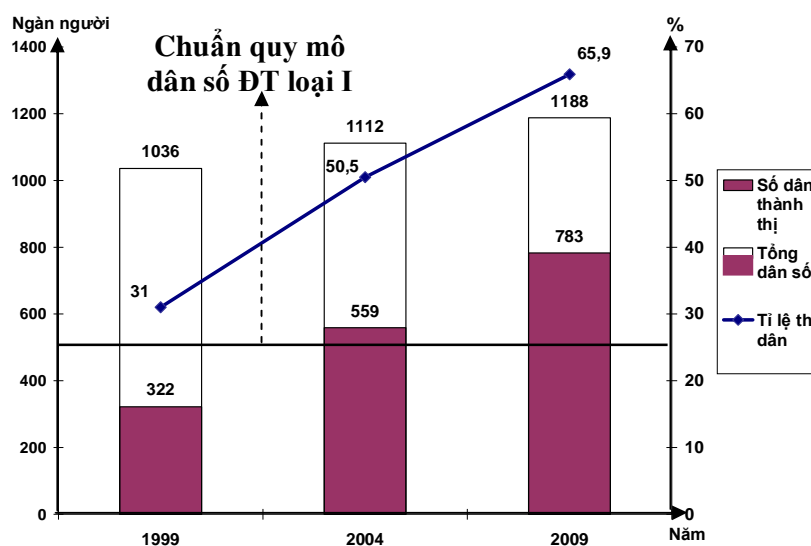
Bình Thủy, Ô Môn và Thốt Nốt; TP Cần Thơ còn có năm đô thị nhỏ hơn là Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền; trung bình chưa tới 30km² có một đơn vị hành chính cơ sở là đô thị. Nếu không tính khu vực nội thành, năm 2009, khoảng 200km² là có một đô thị, bằng 58% so với năm 1999. Tỷ trọng số đơn vị hành chính cấp cơ sở là đô thị trong tổng đơn vị hành chính cơ sở tăng từ 43% năm 1999 lên hơn 50% năm 2004 và gần 60% năm 2009. Bên cạnh đó, sự phân bố của mạng lưới đô thị cũng hoàn thiện dần. Năm 1999, ngoài khu vực đô thị sông Cần Thơ - sông Hậu, ba đô thị

còn lại phân bố rời rạc, khoảng cách trung bình giữa các đô thị khoảng 30 - 40km. Đến nay, nhìn chung TP Cần Thơ đã hình thành hai trục đô thị kết nối với nhau tương đối thuận lợi, bao gồm trục đô thị dọc sông Hậu và trục đô thị phía Tây của TP. Khoảng cách và thời gian di chuyển trung bình giữa các đô thị đã được rút ngắn đáng kể; năm 2009, các đô thị chỉ cách nhau bình quân khoảng 15 - 20km.

2.2. Biến động dân số đô thị Cần Thơ giai đoạn 1999 - 2009

2.2.1. Số dân và tốc độ tăng số dân thành thị (xem biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Biểu đồ quy mô dân số đô thị và tỉ lệ thị dân TP Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009



Nguồn: xử lý từ [1], [4]

Theo biểu đồ 1, quy mô dân số TP Cần Thơ tăng khá chậm, trung bình khoảng 1%/năm; năm 2009, đạt gần 1,2 triệu người. Tuy nhiên, cùng với quá trình mở rộng lãnh thổ đô thị, số dân

thành thị tăng nhanh chóng. Giai đoạn 1999 – 2009, TP Cần Thơ tăng thêm 461.536 người trong khu vực thành thị, tốc độ phát triển trung bình 9%/năm. Năm 2004, TP Cần Thơ trực thuộc trung

ương được thành lập, chia quá trình tăng dân số thành hai giai đoạn, giai đoạn 1999 – 2004 tăng nhanh hơn, tốc độ tăng trung bình 12%/năm. Số dân đô thị năm 2004 đạt hơn 240.000 người, chiếm hơn 50% tổng dân số thành thị tăng thêm trong cả giai đoạn nghiên cứu. Năm 2004, quy mô dân số đô thị TP Cần Thơ đạt hơn 560.000 người. Năm 2009, quy mô tương ứng hơn 783.000 người, tốc độ tăng trung bình 7%/năm. Từ năm 2004 đến năm 2009, TP Cần Thơ vượt yêu cầu tối thiểu về quy mô dân số đô thị đối với đô thị loại I theo quy định của Chính phủ.

Năm 1999, cứ hơn hai người sống ở nông thôn thì có một người sống ở thành thị (năm 2004, tỉ lệ này là 1:1). Tỉ lệ thị dân tăng rất nhanh, gần 20% trong vòng 5 năm (từ 31% năm 1999 lên hơn 50% năm 2004). Cùng với sự gia tăng nhanh chóng dân số thành thị, tỉ lệ thị dân năm 2009 tăng lên gần 66%. Tuy nhiên, TP Cần Thơ vẫn ở vị trí gần cuối trong năm TP trực thuộc trung ương về chỉ tiêu này.

Giai đoạn 1999 – 2009, dân số thành thị TP Cần Thơ phân theo quận, huyện (tại các mốc thời gian: 1999, 2004, 2009) như ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Dân số đô thị TP Cần Thơ theo quận huyện giai đoạn 1999 – 2009

(Đơn vị tính: người)

Quận/Huyện	1999	2004	2009
Quận Ninh Kiều	180100	207408	243794
Quận Ô Môn	29025	127278	129683
Quận Bình Thủy	48689	87200	113565
Quận Cái Răng	29770	76498	86278
Quận Thốt Nốt	21339	22588	158225
Huyện Vĩnh Thạnh	---	12823	17285
Huyện Cờ Đỏ	12663	25245	12942
Huyện Phong Điền	---	---	10721
Huyện Thới Lai		---	10629
Tổng	321586	559040	783122

Nguồn: xử lí từ [1], [4], [3]

Bảng 2 cho thấy sự phân bố dân cư thành thị không đều theo không gian, Thốt Nốt là khu vực tăng dân số đô thị nhiều và nhanh nhất, dân số từ hơn 21.000 tăng lên gần 160.000 người, tốc độ phát triển trung bình 22%/năm; trong đó, đại bộ phận dân số tăng lên trong giai đoạn 2004 – 2009, tốc độ trung bình gần 50%/năm. Quận Thốt Nốt chiếm gần 1/3

số thị dân tăng thêm của toàn TP Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009.

Bên cạnh đó, quận Ô Môn là khu vực gia tăng dân số thành thị nhanh thứ 2 sau quận Thốt Nốt. Trong giai đoạn này, số dân thành thị tăng hơn 100.000 người, đưa quy mô dân số từ khoảng 30.000 người tăng lên gần 130.000 người, tốc độ tăng thị dân trung bình 16%/năm. Thời gian tăng dân số thành thị nhanh nhất vào

năm 2004, khi quận Ô Môn được thành lập, tốc độ tăng dân số thành thị trung bình giai đoạn 1999 – 2004 đến 43%/năm; sau giai đoạn này, tốc độ tăng dân số quận Ô Môn rất thấp.

Ngoài ra, Cái Răng và Bình Thủy là hai quận ĐTH khá nhanh, với lợi thế là một phần của trung tâm đô thị nên có sức hút đô thị lớn. Tốc độ gia tăng dân số đô thị hàng năm của khu vực này trung bình khoảng 9 - 11%/năm. Năm 2009, số dân đô thị của Cái Răng và Bình Thủy tương ứng là 86.278 người và 113.565 người.

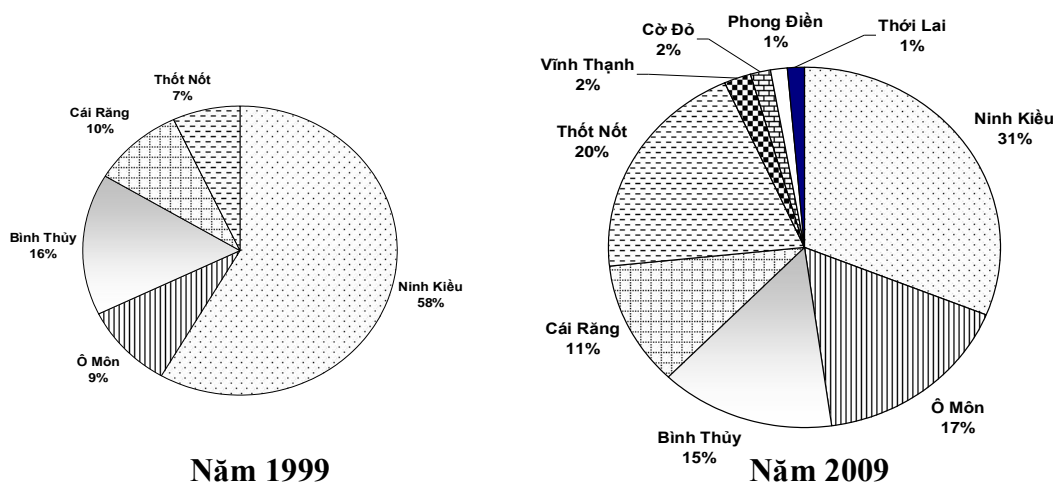
Năm 1999, phần lớn thị dân tập trung tại địa bàn quận Ninh Kiều, với hơn 180.000 người chiếm 56% tổng dân số đô thị. Năm 2009, dân số quận Ninh Kiều tăng thêm hơn 63.000 người, tốc độ trung bình 3%/năm. Vì Ninh Kiều là địa bàn phát triển đô thị từ rất sớm với quy mô và mức độ tập trung đô thị rất cao, nên tốc độ tăng dân số 3%/năm là rất ấn tượng,

mặc dù chỉ bằng 1/3 tốc độ tăng dân số đô thị toàn TP.

Đối với các khu vực còn lại, quá trình ĐTH diễn ra ở những địa bàn thuận tiện giao thông và trao đổi kinh tế, hoạt động sản xuất, nơi giao nhau giữa các con sông - một đặc trưng của địa bàn sông nước - như các thị trấn: Cờ Đỏ, Thới Lai, Phong Điền, Thạnh An, Vĩnh Thạnh... Đối với các huyện thì Vĩnh Thạnh có số dân thành thị tăng nhanh nhất. Huyện có hai đô thị loại V với tổng dân số năm 2009 hơn 17.000 người, đặc biệt là thị trấn Thạnh An có mức độ phát triển khá sầm uất.

Do tốc độ tăng dân số thành thị không đều nên cơ cấu dân số thành thị giữa các quận, huyện cũng có sự thay đổi theo thời gian (xem biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Cơ cấu dân số đô thị theo quận, huyện năm 1999 và 2009



Nguồn: xử lý từ [1], [4]

Biểu đồ 2 cho thấy tỉ trọng dân số đô thị của quận Ninh Kiều so với tổng dân số thành thị liên tục giảm. Năm 2009, quận đóng góp chưa tới 1/3 dân số đô thị toàn TP. Trong khi đó, tỉ trọng tương ứng của quận Thốt Nốt và quận Ô Môn tăng lên khoảng 2 - 3 lần trong cùng giai đoạn, lần lượt là 20,2% và 16,6%.

Giai đoạn 1999 – 2009 ghi nhận quá trình ĐTH nhanh chóng khu vực nông thôn, không chỉ trong phạm vi các quận nội thành mà còn ở các huyện phía

Tây. Nếu năm 1999, đại bộ phận dân thành thị (96%) sống tại năm quận nội thành (Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng, Thốt Nốt) thì đến năm 2009, tỉ lệ này giảm xuống còn hơn 93%. Tỉ trọng dân đô thị sống tại các huyện trong tổng dân số đô thị toàn TP tăng 65%.

2.2. Mật độ dân số

Giai đoạn 1999 – 2009, do quá trình mở rộng diện tích đô thị và gia tăng dân số thành thị lệch pha nên mật độ dân số đô thị có nhiều thay đổi (xem bảng 3).

Bảng 3. Mật độ dân số đô thị TP Cần Thơ theo quận, huyện năm 1999 và 2009

(Đơn vị tính: người/km²)

Địa bàn	1999	2004	2009 ¹
Quận Ninh Kiều	11256	7098	8343
Quận Ô Môn	1922	1014	1021
Quận Bình Thủy	1685	1268	1607
Quận Cái Răng	2314	1223	1251
Quận Thốt Nốt	4963	4038	1343
Huyện Vĩnh Thạnh	---	721	682
Huyện Cờ Đỏ	2891	1476	1694
Huyện Phong Điền	---	---	1317
Huyện Thới Lai	---	---	1083
Khu vực đô thị	3944	1712	1686

Nguồn: xử lí từ [1], [4], [3], [7], [8]

Do lãnh thổ đô thị mở rộng quá nhanh, tốc độ cao hơn nhiều so với quá trình tăng dân số đô thị, dẫn đến mật độ dân số đô thị trung bình liên tục giảm. Bảng 3 cho thấy, năm 1999, trung bình có gần 4000 người/km² lãnh thổ đô thị thì đến năm 2009 chỉ còn dưới 1700 người/km². Trong vòng mười năm, mỗi km² khu vực đô thị, trung bình giảm hơn 2300 số người sinh sống. Nếu mật độ dân số đô thị năm 1999 cao hơn gần sáu lần mật độ dân số toàn TP thì đến năm 2009,

mức chênh lệch này chưa tới hai lần. Đây là kết quả quá trình ĐTH tại chỗ của khu vực nông thôn rộng lớn trong khoảng thời gian ngắn.

Bảng 3 cũng cho thấy, mật độ dân số thành thị và sự thay đổi của nó có sự khác nhau giữa các đơn vị hành chính. Quận Ninh Kiều là khu vực có mật độ dân số cao nhất so với các khu vực khác của TP. Năm 1999, trung bình mỗi km² quận Ninh Kiều có hơn 11.000 người sinh sống; đến năm 2009, mỗi km² trung

bình giảm gần 3000 người, mật độ dân số thành thị tương ứng là hơn 8300 người/km².

Do tốc độ mở rộng lãnh thổ đô thị thấp hơn nhiều so với các đơn vị hành

chính khác trong khi dân số vẫn tăng khá nhanh, nên quận Ninh Kiều vẫn là khu vực tập trung đô thị cao nhất TP (xem bảng 4).

Bảng 4. Chênh lệch mật độ dân số đô thị giữa quận Ninh Kiều và các đơn vị hành chính khác

(Đơn vị tính: lần)

Quận/Huyện	1999	2009
Quận Ô Môn	5,86	8,17
Quận Bình Thủy	6,68	5,19
Quận Cái Răng	4,86	6,67
Quận Thốt Nốt	2,27	6,21
Huyện Cờ Đỏ	3,89	4,93
Khu vực đô thị	2,85	4,95

Quận Thốt Nốt dẫn đầu TP về tốc độ gia tăng diện tích và dân số đô thị, đồng thời cũng là địa bàn giảm mật độ dân số đô thị nhanh và nhiều nhất. Kết hợp bảng 3 và bảng 4 cho thấy, trong vòng mười năm (1999 – 2009), trung bình mỗi năm quận Thốt Nốt giảm 3600 người/km² diện tích đô thị. Năm 1999, Thốt Nốt có mức độ tập trung dân số cao thứ hai toàn TP (sau quận Ninh Kiều), trung bình gần 5000 người/km² lãnh thổ đô thị; đến năm 2009, tương ứng còn 1343 người/km², tốc độ giảm trung bình 12%/năm. Khu vực Ô Môn và Cái Răng cũng có tốc độ giảm mật độ dân số trung bình 6%/năm trong giai đoạn 1999 – 2009.

Tuy nhiên, sau khi TP Cần Thơ trực thuộc Trung ương được thành lập, xu hướng mật độ dân số đã cho thấy một khía cạnh khác của quá trình ĐTH. Năm năm đầu, mật độ dân số giảm nhanh do điều chỉnh địa giới hành chính; sang giai

Nguồn: xử lý từ [1], [4], [7], [8].
 đoạn 2004 – 2009, mật độ dân số tăng với tốc độ trung bình 3%/năm ở quận Ninh Kiều, 5% ở quận Bình Thủy. Quận Ô Môn và Cái Răng mức độ tập trung dân cư tăng lên so với giai đoạn trước mặc dù không nhanh bằng quận Ninh Kiều và Bình Thủy. Điều này cho thấy sức hút lớn của khu vực trung tâm TP Cần Thơ trong quá trình ĐTH. Mật độ dân số các đô thị khu vực nông thôn cũng tăng lên trong cùng giai đoạn, nhanh nhất là thị trấn Cờ Đỏ với mức tăng trung bình 3%/năm.

3. Kết luận

Sự biến động diện tích và dân số đô thị Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009 do nhiều nguyên nhân; trong đó, yếu tố hành chính - chính trị là có nhiều ảnh hưởng nhất.

Diện tích và dân số đô thị Cần Thơ tăng rất nhanh trong giai đoạn 1999 – 2009. Tuy nhiên, trong khi diện tích tăng lên 5,7 lần, dân số tăng lên 2,4 lần thì mật

độ dân số đô thị lại giảm 0,5 lần trong cùng thời gian.

Biến động về diện tích và dân số đô thị Cần Thơ trong giai đoạn 1999 – 2009 không đều theo không gian. Khu vực mở

rộng quy mô đô thị về diện tích và dân số nhanh vượt bậc là trục sông Hậu và sông Cần Thơ; trong đó, Ninh Kiều là khu vực có mức độ tập trung đô thị và sức hút cao nhất.

¹ Số liệu diện tích năm 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2000), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Cần Thơ năm 1999*.
2. Cục Thống kê tỉnh Cần Thơ (2001), *Niên giám thống kê tỉnh Cần Thơ năm 2000*.
3. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2004), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ năm 2003*.
4. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2010), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Cần Thơ năm 2009*.
5. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2011), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ năm 2010*.
6. Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên) (1999), *Dân số - Tài nguyên - Môi trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. UBND tỉnh Cần Thơ (2001), *Kết quả tổng kiểm kê đất đai tỉnh Cần Thơ năm 2000*.
8. UBND thành phố Cần Thơ (2011), *Báo cáo tổng kiểm kê đất đai thành phố Cần Thơ năm 2010*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-3-2012; ngày phản biện đánh giá: 10-5-2012;
ngày chấp nhận đăng: 03-12-2012)

SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỈNH TIỀN GIANG ...

(Tiếp theo trang 87)

6. Tổng cục Thống kê (2000), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999* (đĩa CD).
7. Tổng cục Thống kê (2002), *Niên giám thống kê năm 2001*, Nxb Thống kê.
8. Tổng cục Thống kê (2011), *Báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2010*, Nxb Thống kê.
9. Tổng cục Thống kê (2011), *Niên giám thống kê năm 2010*, Nxb Thống kê.
10. Trung tâm Giới thiệu việc làm Tiền Giang (2011), *Phân tích thị trường lao động năm 2010 và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2011*, Mỹ Tho.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-7-2012; ngày phản biện đánh giá: 10-9-2012;
ngày chấp nhận đăng: 03-12-2012)